

TTTT

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2406/TTCP-PC

V/v lấy ý kiến dự thảo
Thông tư

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2014

K/C.P. TT. TH

28

- Kính gửi: - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
 - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ.

Phường Văn Công TTT
3/10 GRAM

Thực hiện Kế hoạch công tác xây dựng thể chế năm 2014, thời gian qua, Thanh tra Chính phủ đã chỉ đạo các đơn vị chức năng nghiên cứu xây dựng dự thảo Thông tư Giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra. Dự thảo Thông tư được xây dựng trên cơ sở tổng kết, đánh giá việc thi hành Quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra ban hành kèm theo Quyết định số 2861/2008/QĐ-TTCP ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Tổng Thanh tra và ý kiến tham gia tại các cuộc hội thảo do Thanh tra Chính phủ tổ chức.

Để tiếp tục hoàn thiện Dự thảo trước khi trình Tổng Thanh tra ban hành, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến bằng văn bản đối với nội dung của Dự thảo Thông tư.

Ý kiến góp ý xin gửi về Thanh tra Chính phủ, Lô D29 Khu đô thị mới đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội, trước ngày 20/10/2014.

Trân trọng cảm ơn sự cộng tác, phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận: (1/1)

- Như trên;
- Tổng TTCP (để b/c);
- Lưu: VT, PC.



Lê Tiên Hào

Số: /2014/TT-TTCP

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra

Căn cứ Luật thanh tra ngày 15 tháng 01 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 83/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư quy định về giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra,

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trách nhiệm giám sát; nhiệm vụ và quyền hạn của người giám sát; quyền và nghĩa vụ của người được giám sát; nội dung, phương thức, kết quả và trình tự, thủ tục giám sát đối với hoạt động của Đoàn thanh tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với người ra quyết định thanh tra; thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp công chức tham gia Đoàn thanh tra; Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra; công chức, đơn vị được người ra quyết định thanh tra giao thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra.

Điều 3. Mục đích giám sát

Giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra nhằm theo dõi, nắm bắt thường xuyên, đầy đủ, chính xác và khách quan về việc chấp hành pháp luật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử của công chức thanh tra và ý thức kỷ luật của Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra; tình hình thực hiện

nhiệm vụ và triển khai hoạt động thanh tra, những khó khăn, vướng mắc để kịp thời có biện pháp chấn chỉnh, xử lý đảm bảo thực hiện đúng mục đích, yêu cầu, nội dung đề ra trong quyết định thanh tra.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Người giám sát” là người ra quyết định thanh tra; thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp thành viên Đoàn thanh tra; công chức hoặc đơn vị được người ra quyết định thanh tra giao thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra;

2. “Người được giám sát” là Trưởng Đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra.

Điều 5. Nguyên tắc giám sát

1. Việc giám sát đối với hoạt động của Đoàn thanh tra được tiến hành thường xuyên kể từ khi có quyết định thanh tra đến khi có kết luận thanh tra.

2. Tuân theo pháp luật, bảo đảm tính chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời.

3. Bảo đảm bí mật thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của Đoàn thanh tra.

4. Người giám sát có thể đồng thời giám sát đối với hoạt động của nhiều Đoàn thanh tra.

Điều 6. Trách nhiệm giám sát

1. Người ra quyết định thanh tra, căn cứ vào phạm vi, quy mô và tính chất của nội dung giám sát, quyết định tự giám sát hoặc giao cho công chức, đơn vị trực thuộc tổ chức việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra và chịu trách nhiệm về kết quả giám sát.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp công chức tham gia Đoàn thanh tra có trách nhiệm giám sát công chức của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

3. Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm giám sát việc thực hiện nhiệm vụ được giao của các thành viên Đoàn thanh tra theo kế hoạch phân công nhiệm vụ của Đoàn thanh tra.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của người được giám sát

1. Trong quá trình giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, người được giám sát có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Gửi báo cáo về kết quả, tiến độ thanh tra với người ra quyết định thanh tra, cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát;

b) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát quy định tại Điều 14 Thông tư này theo yêu cầu của người giám sát;

c) Giải trình và làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra;

d) Kịp thời thông báo với người giám sát về những khó khăn, vướng mắc của Đoàn thanh tra để kịp thời có biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với người ra quyết định thanh tra xử lý;

đ) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi, nội dung giám sát và giải thích rõ lý do không cung cấp.

2. Ngoài những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ thanh tra với thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp.

Điều 8. Thay đổi người giám sát

Người ra quyết định thanh tra quyết định việc thay đổi, bổ sung người giám sát trong trường hợp người giám sát trước đó không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ giám sát, vi phạm pháp luật hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể thực hiện nhiệm vụ giám sát. Việc thay đổi, bổ sung người giám sát phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ lý do, họ tên, chức danh của người được thay đổi, người được bổ sung. Văn bản này được gửi cho Trưởng Đoàn thanh tra; người giám sát được thay đổi, bổ sung; thủ trưởng đơn vị quản lý trực tiếp người giám sát được thay đổi, bổ sung.

Điều 9. Xử lý kết quả giám sát

1. Căn cứ kết quả giám sát, người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm:

a) Xem xét, giải quyết kịp thời theo thẩm quyền đối với những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị có liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra; tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn thanh tra hoàn thành nhiệm vụ;

b) Áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền để đôn đốc, chấn chỉnh hoạt động của Đoàn thanh tra nhằm đảm bảo mục đích, yêu cầu, tiến độ thanh tra;

c) Thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra;

2. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà người ra quyết định thanh tra xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ vụ việc sang cơ quan điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự khi có dấu hiệu tội phạm.

3. Kết quả giám sát là một trong những căn cứ bắt buộc để người ra quyết định thanh tra xem xét, ra kết luận thanh tra.

Chương II **GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN THANH TRÀ**

Mục 1 **TRƯỜNG HỢP NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH THANH TRÀ** **TỰ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN THANH TRÀ**

Điều 10. Nội dung giám sát

Người ra quyết định thanh tra giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra theo các nội dung quy định tại Điều 14 Thông tư này.

Điều 11. Phương thức giám sát

Người ra quyết định thanh tra giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra thông qua các phương thức sau:

1. Làm việc trực tiếp với Đoàn thanh tra hoặc yêu cầu Đoàn thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát quy định tại Điều 14 Thông tư này;

2. Tham gia trực tiếp vào một số hoạt động của Đoàn thanh tra khi Đoàn thanh tra không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, chính xác, kịp thời nghĩa vụ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định thanh tra trong giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra

Trong quá trình giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra ngoài nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật thanh tra và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành còn có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Yêu cầu Trường Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra giải trình hoặc làm rõ về các vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát;

2. Xem xét và giải quyết kịp thời kiến nghị, đề xuất của Đoàn thanh tra;

3. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật của Trường Đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra.

Mục 2 **TRƯỜNG HỢP NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH THANH TRÀ GIAO CHO** **CÔNG CHỨC, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA** **ĐOÀN THANH TRÀ**

Điều 13. Quyết định giám sát

1. Tùy theo phạm vi, quy mô và tính chất của nội dung giám sát, người ra

quyết định thanh tra có thể giao cho công chức, đơn vị trực thuộc hoặc thành lập Tổ giám sát và quyết định về số lượng, thành phần tham gia. Tổ giám sát có Tổ trưởng, trường hợp cần thiết có Tổ phó và các thành viên.

2. Trường hợp giao cho công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát, thì trong quyết định thanh tra cần nêu rõ họ tên, chức danh và trách nhiệm của người giám sát. Quyết định thanh tra phải được gửi cho người giám sát và thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý người giám sát.

3. Trường hợp giao cho đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ giám sát hoặc thành lập Tổ giám sát, thì phải ra quyết định giám sát. Quyết định giám sát được ban hành trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ký quyết định thanh tra và được gửi cho Đoàn thanh tra, người giám sát, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện việc giám sát.

4. Quyết định giám sát phải ghi rõ các thông tin sau đây:

- a) Mục đích, yêu cầu giám sát;
- b) Đối tượng, nội dung, phạm vi giám sát;
- c) Thời hạn tiến hành giám sát;
- d) Thành viên Tổ giám sát.

Điều 14. Nội dung giám sát

1. Giám sát việc chấp hành pháp luật của Trưởng Đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra bao gồm các nội dung sau:

a) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn tiến hành một cuộc thanh tra, bao gồm: xây dựng kế hoạch tiến hành thanh tra, công bố quyết định thanh tra; thu thập, tổng hợp, đánh giá thông tin; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, ghi nhật ký Đoàn thanh tra; xây dựng báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo kết luận thanh tra;

b) Việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra, bao gồm: căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và kết quả thực hiện; việc xử lý ý kiến của đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra;

c) Việc thực hiện các yêu cầu theo quy định của pháp luật đối với Trưởng Đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra, bao gồm: quy định về những điều nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra; quy tắc ứng xử của cán bộ thanh tra

d) Việc chấp hành các quy định của pháp luật khác có liên quan đến trách nhiệm của Trưởng Đoàn thanh tra, các thành viên Đoàn thanh tra và hoạt động thanh tra nói chung.

2. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và triển khai hoạt động thanh tra của Đoàn thanh tra bao gồm các nội dung sau:

a) Tiến độ, khối lượng công việc và kết quả đã đạt được so với yêu cầu theo quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra;

b) Những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong hoạt động thanh tra và tác động đối với việc hoàn thành kế hoạch tiến hành thanh tra;

c) Việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Đoàn thanh tra và các biện pháp chỉ đạo, điều hành của Trưởng Đoàn thanh tra;

d) Việc xử lý ý kiến khác nhau giữa các thành viên Đoàn thanh tra về những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra;

đ) Các nội dung khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, triển khai hoạt động thanh tra của Đoàn thanh tra.

Điều 15. Phương thức giám sát

Việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra được thực hiện thông qua các phương thức sau:

1. Tổng hợp và thường xuyên cập nhật thông tin về nội dung giám sát theo quy định tại Điều 14 Thông tư này từ các nguồn sau đây:

a) Báo cáo, thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động thanh tra do Đoàn thanh tra cung cấp theo định kỳ hoặc đột xuất;

b) Thông tin, phản ánh hoặc khiếu nại, tố cáo của đối tượng thanh tra, của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hoạt động của Đoàn thanh tra, hành vi của Trưởng Đoàn thanh tra và các thành viên Đoàn thanh tra.

2. Làm việc trực tiếp hoặc yêu cầu Đoàn thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát trong trường hợp việc tổng hợp và cập nhật thông tin về Đoàn thanh tra theo quy định tại Khoản 1 Điều này chưa đáp ứng yêu cầu giám sát hoặc theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra;

3. Tham gia trực tiếp vào một số hoạt động của Đoàn thanh tra theo yêu cầu của người ra quyết định thanh tra và khi Đoàn thanh tra không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, chính xác, kịp thời nghĩa vụ báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của công chức, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát hoặc Tổ giám sát

Trong quá trình giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra, công chức, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát hoặc Tổ giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn:

